



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Dự thảo lần 3

QCVN 01-.....: 2019/BNNPTNT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
ĐỐI VỚI MUỐI (NATRI CLORUA) TINH**

National technical standard for pure sodium chloride salt

HÀ NỘI – 2019

Lời nói đầu

QCVN 01-....: 2019/BNNPTNT do Ban biên soạn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối (Natri clorua) thực phẩm Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn biên soạn, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Thông tư số .../2019/TT-BNNPTNT ngày ... tháng ... năm 2019.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI MUỐI (NATRI CLORUA) TINH

National technical standard for pure sodium chloride salt

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này (sau đây gọi tắt là Quy chuẩn) quy định các yêu cầu kỹ thuật và quản lý đối với muối (Natri clorua) tinh.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với:

1.2.1. Tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất chế biến, kinh doanh muối (Natri clorua) tinh.

1.2.2. Cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.3. Giải thích từ ngữ và ký hiệu viết tắt

1.3.1. Muối: là hợp chất có thành phần chính là Natri clorua (công thức hóa học: NaCl) được sản xuất từ nước biển, nước mặn ngầm hoặc khai thác từ mỏ muối.

1.3.2. Muối (Natri clorua) tinh là muối đã qua chế biến bằng các phương pháp nghiền rửa, kết tinh lại nâng cao chất lượng so với muối nguyên liệu ban đầu.

1.4. Tài liệu viện dẫn

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 Quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007 và các Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong

lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010 và các Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

- Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối.

- Thông tư số 15/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Bảng mã HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.

- Thông tư số 26/2012/TT- BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường và Thông tư số 12/2017/TT-BKHCN ngày 28/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2012/TT- BKHCN ngày 12/12/2012 quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9639:2013 đối với muối (natri clorua) tinh.

2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Yêu cầu kỹ thuật đối với muối (Natri clorua) tinh

2.1.1. Yêu cầu cảm quan:

Các chỉ tiêu cảm quan đối với muối (Natri clorua) tinh được quy định trong Bảng 1.

Bảng 1: Yêu cầu cảm quan

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Trắng, trắng trong
2	Mùi	Không mùi
3	Vị	Dung dịch 5 % có vị mặn đặc trưng của muối, không có vị lạ
4	Trạng thái	Khô rời

2.1.2. Yêu cầu lý hóa:

Yêu cầu lý hóa đối với muối (Natri clorua) tinh được quy định trong Bảng 2.

Bảng 2: Yêu cầu lý hóa

STT	Tên chỉ tiêu	Giới hạn
1	Hàm lượng NaCl, tính theo khối lượng chất khô	Không thấp hơn 98,5%
2	Độ ẩm, % khối lượng	Không được quá 5,0%
3	Hàm lượng chất không tan trong nước, % khối lượng chất khô	Không được quá 0,1%
4	Hàm lượng Ion (Ca^{2+}), % khối lượng chất khô	Không được quá 0,15%
5	Hàm lượng Ion (Mg^{2+}), % khối lượng chất khô	Không được quá 0,15%
6	Hàm lượng Ion sulfat (SO_4^{2-}), % khối lượng chất khô	Không được quá 0,5 %
7	Asen, tính theo As	Không được quá 0,5 mg/kg
8	Đồng, tính theo Cu	Không được quá 2,0 mg/kg
9	Chì, tính theo Pb	Không được quá 2,0 mg/kg
10	Cadimi, tính theo Cd	Không được quá 0,5 mg/kg
11	Thủy ngân, tính theo Hg	Không được quá 0,1 mg/kg

2.2. Yêu cầu kỹ thuật đối với chất phụ gia chống vón cục bổ sung vào muối

Chỉ được sử dụng các chất phụ gia chống vón cục, làm bóng bề mặt trong Danh mục và hàm lượng theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm để bổ sung vào muối (Natri clorua) tinh.

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Nguyên tắc chung về quản lý chất lượng an toàn thực phẩm muối (Natri clorua) tinh

- Tuân thủ các quy định của Luật An toàn thực phẩm, **Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa**, Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn và các văn bản hướng dẫn.

- Đảm bảo minh bạch, khách quan, không phân biệt đối xử về xuất xứ hàng hóa và tổ chức cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng an toàn thực phẩm muối (Natri clorua) tinh, phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo vệ quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh muối (Natri clorua) tinh và người tiêu dùng.

3.2. Quy định về chứng nhận hợp quy

Phương thức đánh giá sự phù hợp đối với muối (Natri clorua) tinh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cụ thể như sau:

3.2.1. Phương thức 1: Thử nghiệm mẫu điển hình của sản phẩm, hàng hóa để kết luận sự phù hợp. Phương thức này áp dụng cho muối (Natri clorua) tinh nhập khẩu, do tổ chức cá nhân nhập khẩu tự công bố sản phẩm muối (Natri clorua) tinh khi nhập khẩu và chỉ có giá trị đối với lô sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu.

3.2.2. Phương thức 2: Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy trên thị trường để kết luận sự phù hợp. Hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy theo phương thức này là 3 năm và thực hiện giám sát hằng năm. Giám sát hằng năm phải lấy mẫu và thử nghiệm 100% chỉ tiêu chất lượng theo quy định. Phương thức này áp dụng cho muối (Natri clorua) tinh sản xuất trong nước.

3.3. Quy định về công bố hợp quy, công bố sản phẩm:

3.3.1. Sản phẩm muối (Natri clorua) tinh sản xuất trong nước phải được công bố hợp quy theo quy định tại quy chuẩn này dựa trên kết quả chứng nhận của Tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoạt động với Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-

CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

3.3.2. Sản phẩm muối (Natri clorua) tinh nhập khẩu, Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải thực hiện tự công bố sản phẩm dựa trên kết quả thử nghiệm mẫu điển hình. Phương thức, trình tự, thủ tục tự công bố sản phẩm muối (Natri clorua) tinh nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật An toàn thực phẩm và Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. Việc thử nghiệm chất lượng muối (Natri clorua) tinh nhập khẩu phục vụ công bố sản phẩm theo quy định tại Quy chuẩn này phải do phòng thử nghiệm được Bộ Khoa học và Công nghệ (Văn phòng Công nhận chất lượng) công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025 về lĩnh vực hóa có đối tượng thử là muối natri clorua và các chỉ tiêu an toàn thực phẩm hoặc phòng thử nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định.

3.3.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh là cơ quan thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy và ra thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy.

3.4. Phương thức kiểm tra đối với muối (Natri clorua) tinh

3.4.1. Việc kiểm tra an toàn thực phẩm đối với muối (Natri clorua) tinh tại cơ sở sản xuất hoặc lưu thông trên thị trường thực hiện theo các quy định của pháp luật.

3.4.2. Muối (Natri clorua) tinh nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm trước khi thông quan.

3.5. Ghi nhãn

Việc ghi nhãn muối (Natri clorua) tinh thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về nhãn hàng hóa.

3.6. Phương pháp thử

3.6.1. Độ ẩm: Xác định hàm lượng ẩm - Phương pháp sấy đến khối lượng không đổi.

3.6.2. Hàm lượng NaCl: Xác định hàm lượng Clorua theo TCVN 3973-84 Muối ăn (Natri clorua) – phương pháp chuẩn độ ion Clo (Cl^-) bằng dung dịch bạc Nitrat (AgNO_3) với chỉ thị Kali Cromat (K_2CrO_4); TCVN 11876:2017 Muối (Natri clorua)- Xác định hàm lượng Clorua - Phương pháp đo điện thế.

3.6.3. Hàm lượng chất không tan trong nước theo TCVN 10240:2013 Muối (natri clorua) dùng trong công nghiệp – Xác định chất

không tan trong nước hoặc trong axit và chuẩn bị các dung dịch chính dùng cho các phép xác định khác.

3.6.4. Hàm lượng Ion Canxi (Ca^{2+}) và hàm lượng Ion Magie (Mg^{2+}): Theo TCVN 10658:2014 - Xác định hàm lượng Canxi và Magie - Phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa.

3.6.5. Hàm lượng Ion Sulfat (SO_4^{2-}): xác định hàm lượng Ion Sulfat (SO_4^{2-}) theo TCVN 10241:2013 - Xác định hàm lượng sulfat - Phương pháp khối lượng bari sulfat.

3.6.6. Hàm lượng Asen: Xác định hàm lượng asen theo TCVN 11874:2017 Muối (Natri clorua) - Xác định hàm lượng asen - Phương pháp đo quang sử dụng bạc diethyldithiocarbamat.

3.6.7. Hàm lượng Đồng: Xác định hàm lượng đồng theo TCVN 11873:2017 Muối (Natri clorua) - Xác định hàm lượng đồng - Phương pháp đo quang sử dụng kẽm dibenzylidithiocarbamat.

3.6.8. Hàm lượng Chì: Xác định hàm lượng chì theo TCVN 10661:2014 Muối (Natri clorua) - Xác định hàm lượng chì tổng số - Phương pháp đo hấp thụ nguyên tử ngọn lửa.

3.6.9. Hàm lượng Cadimi: Xác định hàm lượng Cadimi theo TCVN 10662:2014 Muối (Natri clorua) - Xác định hàm lượng Cadimi tổng số - Phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa.

3.6.10. Hàm lượng Thủy ngân: Xác định hàm lượng thủy ngân theo TCVN 10660:2014 Muối (Natri clorua) - Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử không ngọn lửa.

Có thể sử dụng các phương pháp thử khác có độ chính xác tương đương với các phương pháp trên.

3.7. Lấy mẫu

3.7.1. Lấy mẫu kiểm tra và lưu mẫu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 12/2017/TT-BKHHCN ngày 28/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2012/TT- BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

3.7.2. Trường hợp áp dụng phương thức kiểm tra chặt đối với muối (Natri clorua) tinh nhập khẩu, mẫu được lấy theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên đơn giản. Mỗi đơn vị sản phẩm trong lô hàng muối nhập khẩu được lựa chọn ngẫu nhiên, đều có cơ hội ngang nhau để được chọn làm mẫu kiểm tra. Tập hợp các mẫu đơn lẻ, ngẫu nhiên được lấy (mẫu chung) và được chia làm hai đơn vị mẫu, một đơn vị mẫu để thử nghiệm, một đơn vị mẫu lưu tại cơ quan kiểm tra. Mỗi đơn vị mẫu có khối lượng tối thiểu 200 gram, tối đa 500 gram đủ để kiểm nghiệm các chỉ tiêu cần kiểm

tra theo quy định và được đựng trong hộp hoặc chai nhựa kín có dán niêm phong của cơ quan kiểm tra. Cơ quan kiểm tra lấy mẫu, lập biên bản lấy mẫu muối nhập khẩu có sự chứng kiến của đại diện người nhập khẩu và đại diện cơ quan Hải quan cửa khẩu.

4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

4.1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp và phòng thử nghiệm

4.1.1. Chỉ được đánh giá sự phù hợp, thử nghiệm đối với các phép thử, lĩnh vực chứng nhận đã được đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc chỉ định.

4.1.2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.

4.1.3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.1.4. Định kỳ 6 tháng và hằng năm hoặc đột xuất báo cáo cho Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tình hình đánh giá sự phù hợp, thử nghiệm đã được đăng ký lĩnh vực, chỉ định. Thời gian nộp báo cáo trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hằng năm.

4.1.5. Báo cáo Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn về các thay đổi có ảnh hưởng tới năng lực hoạt động đã đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc chỉ định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

4.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu muối (Natri clorua) tinh

4.2.1. Công bố hợp quy, công bố sản phẩm muối (Natri clorua) tinh theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật này.

4.2.2. Chịu trách nhiệm về chất lượng an toàn thực phẩm muối (Natri clorua) tinh đã công bố hợp quy, công bố sản phẩm.

4.2.3. Khi phát hiện sự không phù hợp của sản phẩm muối (Natri clorua) tinh đã công bố hợp quy hoặc công bố sản phẩm trong quá trình lưu thông hoặc sử dụng tổ chức, cá nhân phải:

- Kịp thời thông báo bằng văn bản với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh nơi đăng ký công bố hợp quy, công bố sản phẩm; tạm ngừng việc xuất xưởng, kinh doanh và tiến hành thu hồi sản phẩm muối (Natri clorua) tinh không phù hợp đang lưu thông trên thị trường.

- Tiến hành các biện pháp khắc phục sự không phù hợp; thông báo bằng văn bản cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh nơi đăng ký công bố hợp quy, công bố sản phẩm kết quả khắc phục sự không phù hợp trước khi tiếp tục đưa sản phẩm muối (Natri clorua) tinh lưu thông trên thị trường.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy chuẩn này; trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh, bổ sung các nội dung tại quy chuẩn này khi cần thiết; chỉ định các phòng thử nghiệm, tổ chức đánh giá sự phù hợp với các quy định tại quy chuẩn này.

5.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn tại quy chuẩn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế./.